

Số: 3163/KH-STNMT-TTCNTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Chương trình chuyển đổi số ngành Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

Căn cứ Kế hoạch số 777-KH/BCSĐTNMT ngày 09/9/2020 của Ban Cán Sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về “Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư” và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 190/KH-UBND ngày 27/08/2019 của UBND Thành phố về việc triển khai Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 21/02/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Triển khai chuyển đổi IPv6 cho các cơ quan Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2020 - 2023;

Thực hiện Thông báo số 01/TB-BCĐCQĐT ngày 29/5/2020 của Ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử Thành phố Hà Nội về Kết luận chỉ đạo của Chủ tịch UBND Thành phố, Trưởng ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử thành phố Hà Nội tại cuộc họp ban chỉ đạo tháng 5/2020.

Căn cứ Kế hoạch số 67/KH-UBND Thành phố ngày 17/3/2021 về thực hiện Đề án “lưu trữ điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020-2025 thuộc UBND Thành phố Hà Nội”

I. Tầm nhìn đến năm 2030.

Ngành tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội quản lý, điều hành cơ bản trên phương thức, quy trình, mô hình của công nghệ số và kết quả phân tích, xử lý dữ liệu số; áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao. Tạo thể chủ động, hiệu lực, hiệu quả trong: quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học;

chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

II. Mục tiêu đến năm 2025

Thực hiện phát triển chính quyền số, xây dựng xã hội số, phát triển kinh tế số trong ngành tài nguyên và môi trường trên tinh thần: “Đến năm 2025, ngành Tài nguyên và Môi trường (TNMT) quản lý, điều hành hoàn toàn trên phương thức, quy trình, mô hình của công nghệ số và kết quả phân tích, xử lý dữ liệu số; áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao.

Chủ động, hiệu lực, hiệu quả trong: quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”.

III. Mục tiêu cụ thể

- 100% văn bản đi, đến được cập nhật, xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật); 100% ý kiến chỉ đạo được theo dõi và xử lý trên môi trường mạng; 100% đơn thư và khiếu nại đủ điều kiện xử lý, giải quyết được cập nhật trong Hệ thống quản lý công tác tiếp dân và xử lý đơn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh; 100% lịch họp được đăng ký và phát hành giấy mời qua mạng.

- 100% báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường hàng năm của Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng.

- 100% dịch vụ công được đưa lên trực tuyến, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm thiết bị di động; 50% dịch vụ hành chính công phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

- 100% báo cáo tổng hợp, báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê của Sở được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

- 80% cơ sở dữ liệu (CSDL) về Tài nguyên Môi trường (TNMT) được xây dựng, cập nhật trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) có sự đóng góp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng; trong đó cơ bản hoàn thành CSDL đất đai quốc gia, cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; sẵn sàng kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở để thực hiện dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) phục vụ người dân và doanh nghiệp, vận hành Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

- 90% thiết bị trong điều tra, khảo sát, quan trắc, đo đạc thu nhận dữ liệu sử dụng công nghệ số, trong đó 70% tích hợp giải pháp thông minh sử dụng công nghệ kết nối Internet vạn vật (IoT).

- 80% các hệ thống thông tin liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ; dữ liệu,

thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.

- 50% hoạt động thanh tra, kiểm tra của ngành được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% người làm việc trong ngành được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó, 30 % được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

- 100% hồ sơ quản lý công chức, viên chức, người lao động; tài chính kế toán; tài sản cố định được số hóa, quản lý trên phần mềm.

IV. Nhiệm vụ

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan đầu tư nâng cấp các thiết bị tin học, hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, phần mềm đồng bộ, kết nối, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của Sở và các đơn vị thuộc Sở.

Ưu tiên triển khai công nghệ điện toán đám mây, các công nghệ mạng dây dẫn, không dây hiện đại; dạng dữ liệu lớn; và kết nối internet vạn vật trong toàn ngành.

2. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

a) Cải cách hành chính phục vụ người dân và tổ chức:

- Sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan đạt mức trên 85%.

- + Thực hiện nhiệm vụ theo chức năng quản lý của ngành nhằm góp phần tăng điểm các chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI và SIPAS qua từng năm của Thành phố.

- + Chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với kết quả giải quyết TTHC đạt 85%, nhất là TTHC lĩnh vực đất đai.

- + Đảm bảo các thủ tục hành chính có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

- 100% các văn bản đầu ra được sử dụng chữ ký số; 100% văn bản đầu ra thuộc lĩnh vực hành chính không dùng bản giấy (trừ văn bản mật).

- 100% dịch vụ công được đưa lên trực tuyến được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm thiết bị di động; 50% dịch vụ hành chính công phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

b) Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế số:

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về thu nhận, tạo lập, quản lý tài nguyên số về TNMT, cho phát triển kinh tế số.

- Cung cấp và triển khai dịch vụ dữ liệu, thông tin về Tài nguyên Môi trường cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng cho phát triển kinh tế số, dịch vụ nội dung số.

c) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

Tuyên truyền, truyền thông số nâng cao nhận thức cộng đồng về chuyển đổi số TNMT. Sử dụng phương thức, công nghệ số nâng cao chất lượng dịch vụ, khả năng

tương tác, phục vụ minh bạch hóa, đảm bảo trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước làm hài lòng người dân, doanh nghiệp, tạo thói quen sử dụng dịch vụ số, góp phần phát triển xã hội số.

- Phát triển các ứng dụng TNMT trên các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ TNMT ở mọi lúc, mọi nơi.

- Khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các siêu ứng dụng di động trong lĩnh vực TNMT, hình thành các nhóm cộng đồng sử dụng các dịch vụ TNMT trên siêu ứng dụng di động.

d) Phát triển dữ liệu:

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành về TNMT trên cơ sở kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, dịch vụ chia sẻ dữ liệu thống nhất, bảo đảm nền tảng về dữ liệu là hạ tầng quan trọng, cốt yếu cho chuyển đổi số ngành TNMT.

- Tập hợp, số hóa nội dung, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản hành chính, cơ sở dữ liệu nội bộ, ứng dụng triển khai công nghệ khai phá, xử lý văn bản đáp ứng nhu cầu chỉ đạo, điều hành, thực hiện công tác hành chính.

- Thiết kế, tích hợp, kết nối hệ thống dữ liệu TNMT đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh (dữ liệu không gian đô thị, đất đai, môi trường, tài nguyên nước, địa chất - khoáng sản,...).

- Xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử chuyên ngành TNMT.

- Xây dựng kho dữ liệu TNMT dùng chung, sử dụng giải pháp công nghệ quản lý dữ liệu lớn nhằm quản lý toàn diện tài nguyên số về TNMT.

- Cung cấp dữ liệu, thông tin chia sẻ, dữ liệu mở, hệ sinh thái nội dung số về TNMT cho xã hội.

- Các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực TNMT tăng cường triển khai ứng dụng các công nghệ số trong sản xuất, quản trị, cung cấp các dịch vụ trực tuyến cho khách hàng.

- Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ nội dung số về TNMT phục vụ xã hội, phát triển nền kinh tế số.

e) Xây dựng nền tảng số:

- Phát triển nền tảng tích hợp, kết nối dữ liệu TNMT với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương nhằm chia sẻ dữ liệu, thông tin cho khai thác, sử dụng.

- Xây dựng, cung cấp các nền tảng dữ liệu số TNMT phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh:

- (i) Nền tảng dữ liệu thông tin đất đai;

- (ii) Nền tảng dữ liệu bản đồ, không gian địa lý quốc gia;

- (iii) Nền tảng dữ liệu về tài nguyên nước;

- (iv) Nền tảng dữ liệu về khoáng sản;

- (v) Nền tảng dữ liệu môi trường;
- (vi) Nền tảng dữ liệu địa chất, thủy văn;
- (vii) Nền tảng thông tin thời tiết, khí hậu.

- Xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu mở TNMT, đáp ứng thu nhận dữ liệu từ các hệ thống dữ liệu liên quan đến TNMT trên địa bàn Hà Nội và quốc gia, thiết bị cảm biến, dữ liệu chia sẻ từ người dân, doanh nghiệp, cộng đồng, mạng xã hội hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở về TNMT.

- Phát triển các nền tảng ứng dụng, di động cung cấp các dịch vụ, xử lý, tư vấn, khai thác dữ liệu thông tin về TNMT.

- Phát triển, vận hành các hệ thống thông tin nội bộ, chuyên ngành sử dụng công nghệ thông minh phân tích, xử lý, trình bày thông tin, dữ liệu trên các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị trong ngành và cung cấp dịch vụ thuận tiện, an toàn, nhanh chóng cho người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục hoàn thành triển khai các dịch vụ công mức độ 3, 4.

f) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng:

- Xây dựng, triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển Chính phủ điện tử.

- Các đơn vị TNMT triển khai bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin.

- Hàng năm bố trí 10% kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng tại cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin, CSDL. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, diễn tập bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Thực hiện đầy đủ và có hiệu quả Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, tránh nguy cơ mất an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho công chức, viên chức phụ trách về an toàn thông tin của các đơn vị trong ngành.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện rà soát, đánh giá, có biện pháp tăng cường bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống hạ tầng thông tin.

g) Phát triển nguồn nhân lực:

- Đào tạo, tập huấn cho công chức, viên chức về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin, nhận thức về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số.

- Đào tạo, tập huấn cho công chức, viên chức các nội dung kỹ thuật chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống, các công nghệ số về dữ liệu lớn, di động, trí tuệ nhân tạo; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh mạng.

- Đào tạo kiến thức, kỹ năng xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu chuyển đổi số cho Lãnh đạo các đơn vị thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở Thành phố và các Quận, Huyện, Thị xã

V. Các giải pháp thực hiện

1. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ cụ thể

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Ghi chú
I	Kiến tạo cải cách thể chế đáp ứng cho chuyển đổi số				
1.	Nghiên cứu, áp dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật bảo đảm xây dựng ngành tài nguyên môi trường số.	Văn phòng Sở + TTCNTT TNMT	Các phòng, đơn vị liên quan	Thường xuyên	
2.	Hoàn thiện các quy định về giải quyết TTHC trên môi trường mạng.	Văn phòng Sở + TTCNTT TNMT	Các phòng, đơn vị liên quan	Thường xuyên	
3.	Tạo lập hành lang pháp lý để phát triển dịch vụ nội dung số về tài nguyên và môi trường.	Văn phòng Sở + TTCNTT TNMT	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2025	
4.	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số ngành TNTM	Văn phòng Sở + TTCNTT TNMT	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2025	
II	Phát triển hạ tầng số				
1.	Đầu tư trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.	Văn phòng Sở + TTCNTT TNMT	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2025	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Ghi chú
2.	Chuyển đổi IPv4 sang IPv6 cho hệ thống CNTT, Internet của ngành TNMT theo Kế hoạch 38/KH-UBND ngày 21/02/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Triển khai chuyển đổi IPv6 cho các cơ quan Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2020 - 2023.	TTCNTT TNMT	Các phòng, đơn vị liên quan	2021- 2025	
3.	Nâng cấp hệ thống mạng, số liệu chuyên dùng phục vụ đơn vị đáp ứng chương trình chuyển đổi số.	TTCNTT TNMT	Các phòng, đơn vị liên quan	2021- 2025	
4.	Triển khai ứng dụng thẻ điện tử công chức, viên chức và người lao động trong công tác quản lý hành chính văn phòng	Văn phòng Sở + TTCNTT TNMT	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2025	
III	Phát triển hạ tầng dữ liệu				
1	Số hóa dữ liệu chuyên ngành TNMT.	TTCNTT + VPĐK + các phòng khối văn phòng sở	Các đơn vị liên quan	2021 - 2025	
2.	Xây dựng, hoàn thiện các CSDL chuyên ngành về TNMT.	Các phòng, đơn vị chuyên môn + TTCNTT +VPĐK	Các đơn vị liên quan	2021 - 2030	
3.	Tích hợp, xây dựng trực kết nối hệ thống dữ liệu TNMT đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh.	TTCNTT + VPĐK + Các phòng, đơn vị chuyên môn	Các đơn vị liên quan	2021 - 2025	
4.	Xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử chuyên ngành tài nguyên và môi trường.	TTCNTT+ Các phòng, đơn vị chuyên môn	Các phòng đơn vị liên quan	2021 - 2025	
5.	Tập hợp, số hóa nội dung, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu văn bản	Văn phòng Sở + TTCNTT	Các đơn vị liên quan	2021 - 2025	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Ghi chú
	hành chính, văn bản chuyên ngành TNMT.				
6.	Xây dựng, cung cấp các nền tảng dữ liệu số phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.	Các phòng, đơn vị chuyên môn + TTCNTT + Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2025	
7.	Xây dựng kho dữ liệu số tài nguyên và môi trường dùng chung.	Các phòng, đơn vị chuyên môn TTCNTT + Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2025	
IV	Xây dựng nền tảng số				
1.	Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.	Trung tâm quan trắc môi trường + Chi cục Môi trường	Các phòng đơn vị liên quan	2021 - 2025	
2.	Hoàn thiện chuyển đổi số về thư viện tài nguyên và môi trường, tích hợp, kết nối, liên thông hệ thống thư viện quốc gia.	TTCNTT TNMT + Văn phòng Sở	Các phòng đơn vị liên quan	2021 - 2025	
3.	Xây dựng, cung cấp các nền tảng dữ liệu số TNMT phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.	Các phòng, đơn vị chuyên môn + TTCNTT + Văn phòng Sở	Các phòng đơn vị liên quan	2021 - 2025	
4.	Xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu mở tài nguyên và môi trường.	Các phòng, đơn vị chuyên môn	Các phòng đơn vị liên quan	2021 - 2025	
5.	Phát triển các nền tảng ứng dụng, di động cung cấp các dịch vụ, xử lý, tư vấn, khai thác dữ liệu thông tin về tài nguyên và môi trường.	TTCNTT + Văn phòng Sở	Các phòng đơn vị liên quan	2021 - 2025	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Ghi chú
VII	Phát triển chính quyền số				
1.	Đổi mới cải cách hành chính; kiện toàn tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, phát triển nguồn nhân lực trong chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị liên quan	2022 - 2025	
2.	Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin chuyên ngành thông minh phục vụ Chính phủ điện tử, tiến tới Chính quyền số.	Các phòng, đơn vị chuyên môn + TTCNTT + Văn phòng Sở	Các phòng đơn vị liên quan	2022 - 2025	
3.	Xây dựng “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai Hà Nội”.	Ban quản lý dự án + phòng ĐKTK+ VPĐK	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2023	
4.	Đề án tổng thể “Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; cập nhật CSDL nền địa lý và bản đồ địa hình 1/2000, 1/5000 trên địa bàn Hà Nội”.	Phòng Đo đạc bản đồ	Các phòng đơn vị liên quan	2021 - 2025	
5.	Ứng dụng viễn thám trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường; giám sát thảm họa thiên tai.	Phòng Đo đạc bản đồ	Các phòng đơn vị liên quan	2021 - 2025; định hướng đến năm 2030	
6.	Xây dựng CSDL quan trắc tài nguyên và môi trường Hà Nội.	Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2025	
7.	Xây dựng CSDL và hệ thống quản lý thông tin môi trường Hà Nội.	Chi cục Môi trường	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2025	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Ghi chú
8.	Xây dựng CSDL đa dạng sinh học, tài nguyên nước, quản lý hoạt động khoáng sản, biến đổi khí hậu.	Chi cục Môi trường	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2025	
9.	Xây dựng Hệ thống CSDL quản lý hoạt động giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất trên địa bàn Hà Nội.	TTCNTT TNMT + Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2025	
10.	Hệ thống thông tin quản lý và CSDL tài nguyên và môi trường (<i>Hệ thống thông tin tích hợp và quản trị CSDL tài nguyên và môi trường Hà Nội</i>).	TTCNTT TNMT + Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị liên quan	2021 - 2025	
VIII	Phát triển kinh tế số				
1.	Thu thập, cập nhật, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (<i>Theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017</i>).	TTCNTT TNMT + Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị liên quan	Thường xuyên	

2. Phát triển hệ thống tích hợp các phần mềm

- Sử dụng hệ thống tích hợp ESB (Enterprise Service Bus) cho toàn ngành;
- Thuê các dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho các giải pháp nêu trên.

VI. Kinh phí thực hiện

- Ưu tiên bố trí ngân sách cho chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường. Kinh phí từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên, chi sự nghiệp và chi đầu tư phát triển của ngành tài nguyên và môi trường.

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên, chi sự nghiệp và chi đầu tư phát triển của ngành tài nguyên và môi trường.

- Kinh phí từ các dự án, thực hiện theo hình thức hợp tác công tư, tài trợ, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

- Nguồn xã hội hóa. - Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số của Sở

- Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số của Sở (Ban chỉ đạo) chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng, đơn vị trực thuộc trong việc

đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT, xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn, trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Đôn đốc thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án quan trọng có tính chất liên ngành, liên đơn vị về ứng dụng và phát triển CNTT, Chuyển đổi số

- Đánh giá kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo Ban chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND Thành phố.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường

Đơn vị chuyên trách CNTT của Sở, cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo có trách nhiệm chủ trì, tham mưu cho Ban chỉ đạo, Giám đốc Sở triển khai Kế hoạch này; tham mưu Giám đốc Sở, Ban chỉ đạo triển khai ứng dụng CNTT, Chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch hàng năm; tổng hợp, đánh giá kết quả và tham mưu lãnh đạo Sở các biện pháp nhằm thực hiện hiệu quả hơn về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong toàn Sở.

- Phối hợp với Văn phòng Sở, các phòng, đơn vị trực thuộc Sở triển khai các nội dung kế hoạch đề ra; tham mưu xây dựng lộ trình, kinh phí tổ chức thực hiện từng năm trình lãnh đạo Sở phê duyệt, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu mà kế hoạch đề ra.

- Chủ động, cùng với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị tư vấn về CNTT nghiên cứu, xây dựng mô hình tổng thể hệ thống thông tin quản lý và CSDL ngành tài nguyên và môi trường, qua đó từng bước xây dựng các CSDL thành phần thuộc CSDL ngành tài nguyên và môi trường

3. Văn phòng Sở

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường Hà Nội tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Chương trình CCHC.

- Tổ chức rà soát, bố trí thêm nguồn nhân lực CNTT; phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường Hà Nội, xây dựng kế hoạch đào tạo, đảm bảo về nhân lực cho toàn Sở phục vụ ứng dụng và phát triển CNTT, thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số.

- Chủ trì, tham mưu đề xuất cân đối nguồn kinh phí, đảm bảo cho việc triển khai thực hiện lộ trình, kế hoạch được thuận lợi; kiểm tra việc chi, thanh toán ngân sách cho phát triển và ứng dụng CNTT theo đúng quy định.

- Phát động phong trào thi đua khen thưởng về xây dựng chuyển đổi số và trong toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành.

- Tham mưu xây dựng tiêu chí điểm thưởng, điểm phạt về ứng dụng CNTT, thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số trong đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của phòng, đơn vị và cá nhân.

4. Phòng kế hoạch – Tài chính

- Tham mưu Giám đốc Sở, cân đối nguồn vốn bố trí vốn để thực hiện Kế hoạch, đồng thời tranh thủ các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường Hà Nội, Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện Kế hoạch theo quy định.

5. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở

Trong quá trình xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở đề xuất các nhiệm vụ cần chuyển đổi số ngành phù hợp với khung kiến trúc chung theo Kế hoạch này.

Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường Hà Nội thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số ngành tài nguyên môi trường, bảo đảm đồng bộ với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2021 – 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, phản ánh về Sở Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội qua Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên môi trường Hà Nội, tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND TP Hà Nội; (Để b/c)
- Sở TTTT; (Để phối hợp)
- Các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị của Sở; (Để th/h)
- Lưu VT, TTCNTT.



GIÁM ĐỐC

Bùi Duy Cường